

NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Số: 3131/NHCS-TDSV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI T.BRVN
CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 796
NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2022

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Khách hàng vay vốn là cá nhân, pháp nhân thuộc đối tượng vay vốn quy định tại khoản 2 văn bản này (sau đây gọi chung là khách hàng);

b) Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH;

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đối tượng và điều kiện vay vốn

2.1. Đối tượng vay vốn

Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập gồm: nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục); nhà trẻ,

18/4
- BGĐ
- Trưởng/Nhà
- Trưởng/Nhà
- Trưởng/Nhà
Fó cho
CB-TĐ
5/5/22

3

trường mẫu giáo, trường mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực (sau đây gọi chung là trường mầm non dân lập, tư thực), trường tiểu học tư thực theo quy định của pháp luật.

2.2. Điều kiện vay vốn

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.
- b) Phải dừng hoạt động theo yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 ít nhất 1 tháng tính đến thời điểm vay vốn.
- c) Có Phương án vay vốn để phục hồi, duy trì hoạt động theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg.
- d) Tại thời điểm đề nghị vay vốn, khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh trước thời điểm 23/01/2020.

3. Nguyên tắc vay vốn

- 3.1. Khách hàng phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;
- 3.2. Khách hàng phải trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn.

4. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay dùng để sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch COVID-19; mua sắm thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phục hồi, duy trì hoạt động.

5. Phương thức cho vay

NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp đến khách hàng.

6. Mức vốn cho vay

- 6.1. Tối đa 80 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực.
- 6.2. Tối đa 200 triệu đồng/trường mầm non dân lập, tư thực, tiểu học tư thực.
- 6.3. Mức cho vay cụ thể đối với mỗi trường hợp do NHCSXH nơi cho vay xác định dựa trên Phương án vay vốn của khách hàng.

7. Lãi suất cho vay

- 7.1. Lãi suất cho vay 3,3%/năm.
- 7.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn.

8. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ bằng đồng Việt Nam.

9. Thời hạn cho vay và thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay

- 9.1. Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng.
- 9.2. Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay

Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay không vượt quá thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm hết nguồn vốn cho vay quy định tại Khoản 3 Điều 11 Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg, tùy theo điều kiện nào đến trước.

10. Bảo đảm tiền vay

10.1. Đối với khách hàng vay có mức vay đến 100 triệu đồng không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay.

10.2. Đối với khách hàng vay có mức vay trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của NHCSXH.

11. Hồ sơ vay vốn

11.1. Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp

a) Phương án vay vốn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg;

b) Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp:

+ Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục do chủ tịch UBND cấp xã ra Quyết định cho phép thành lập

+ Trường mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục do Chủ tịch UBND cấp huyện ra Quyết định cho phép thành lập.

- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục: đối với trường mầm non dân lập, tư thục, trường tiểu học tư thục do Trường phòng giáo dục và Đào tạo ra Quyết định cho phép hoạt động giáo dục.

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của khách hàng:

+ Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

+ Văn bản bổ nhiệm/công nhận/cử người đứng đầu theo quy định của Điều lệ/Quy chế hoạt động của tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) theo quy định.

+ Điều lệ/Quy chế tổ chức hoạt động của khách hàng vay vốn và đối tượng vay vốn (nếu có).

+ Bản gốc/Bản chính văn bản về việc thực hiện vay vốn tại NHCSXH của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị/Nhà đầu tư hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị/Nhà đầu tư/Các thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ/Quy chế tổ chức hoạt động của khách hàng và đối tượng vay vốn có quy định.

+ Đối với trường hợp khách hàng là doanh nghiệp đầu tư thành lập cơ sở giáo dục thuộc đối tượng được vay vốn thì ngoài các hồ sơ, giấy tờ quy định tại Điểm 11.1 Khoản này cần cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

d) Hồ sơ về việc thực hiện bảo đảm tiền vay (nếu có) thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

11.2. Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

a) Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn theo mẫu số 03/TDMNTH;

b) Tờ trình phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TDMNTH;

c) Thông báo phê duyệt cho vay theo mẫu số 04a/TDMNTH;

d) Thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 04b/TDMNTH;

đ) Báo cáo thẩm định tài sản thế chấp theo mẫu số 01/BĐTV;

e) Thông báo phê duyệt tài sản thế chấp theo mẫu số 02/BĐTV.

11.3. Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng và các bên liên quan cùng lập

- Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 05/TDMNTH;

- Biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp theo mẫu số 03/BĐTV;

- Hợp đồng thế chấp tài sản theo mẫu số 04/BĐTV;

- Hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm tiền vay có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

12. Quy trình cho vay

12.1. Khách hàng gửi hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay. Cán bộ được phân công nhận và kiểm tra; nếu hồ sơ vay vốn đầy đủ theo quy định thì lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ theo mẫu số 03/TDMNTH.

12.2. Đối với mức vay tối đa đến 100 triệu đồng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng; Đối với mức vay tối đa trên 100 triệu đồng, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ được phân công thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn

Đối với các loại giấy tờ quy định tại Điểm 11.1, khoản 11 văn bản này và các giấy tờ liên quan khác của khách hàng (nếu có), NHCSXH nơi cho vay yêu cầu khách hàng cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu. Trường hợp, khách hàng nộp bản sao công chứng/chứng thực thì không phải kiểm tra đối chiếu với bản chính;

+ Tra cứu thông tin tín dụng của khách hàng trên hệ thống thông tin tín dụng Quốc gia (CIC) để xác định tình trạng nợ xấu của khách hàng; in kết quả tra cứu thông tin tín dụng của khách hàng kèm hồ sơ vay vốn.

b) Trình phê duyệt cho vay:

- Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, cán bộ lập Tờ trình phê duyệt cho vay mẫu 04/TDMNTH trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - nghiệp vụ để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. Đồng thời, lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/TDMNTH) gửi khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/TDMNTH).

12.3. Sau khi có kết quả phê duyệt cho vay NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 05/TDMNTH. Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay thì NHCSXH nơi cho vay cùng bên thế chấp lập Hợp đồng thế chấp tài sản mẫu số 04/BĐTV, thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định hiện hành của pháp luật và của NHCSXH.

12.4. Kế toán chỉ được phát tiền vay sau khi bên thế chấp đã bàn giao cho bộ phận kế toán bản gốc: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng; Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản trong trường hợp pháp luật quy định tài sản thế chấp phải mua bảo hiểm (nếu có); giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp để lưu thành túi riêng và làm thủ tục lưu trữ, bảo quản trong kho theo chế độ quy định của NHCSXH.

13. Tài khoản thanh toán của khách hàng

Trường hợp khách hàng chưa có tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay thì thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay theo quy định của NHCSXH. Thời điểm mở tài khoản thanh toán được thực hiện trước khi NHCSXH giải ngân.

14. Giải ngân

Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng một hay nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định. Mỗi lần nhận tiền vay, khách hàng phải mang Hợp đồng tín dụng để cùng với NHCSXH nơi cho vay ký xác nhận vào phụ lục hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

15. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, thu nợ, thu lãi

15.1. Định kỳ hạn trả nợ

a) Đối với cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

b) Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng: Kỳ hạn trả nợ tối đa 6 tháng một lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

15.2. Trả lãi

NHCSXH thực hiện thu lãi hàng tháng bắt đầu thu từ tháng đầu tiên ngay sau tháng khách hàng nhận khoản vay. Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

15.3. Thu nợ, thu lãi

Khách hàng vay vốn chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán đã mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Khách hàng được trả nợ trước hạn.

16. Kiểm tra sau cho vay

16.1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp. Ngoài ra, NHCSXH nơi cho vay có thể kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH nơi cho vay. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/TDMNTH.

Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân lần cuối cùng, trường hợp khách hàng chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay thì lập Biên bản kiểm tra, cụ thể như sau:

- Trường hợp khách hàng cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh sử dụng vốn vay hoặc tài liệu chứng minh nguyên nhân khách quan chưa cung cấp đầy đủ chứng từ, NHCSXH nơi cho vay tiếp tục thực hiện cho vay.

- Trường hợp khách hàng không cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc vi phạm các nội dung khác trong Hợp đồng tín dụng, NHCSXH nơi cho vay kết luận biện pháp xử lý.

16.2. Khách hàng có trách nhiệm chứng minh việc sử dụng tiền vay NHCSXH đúng mục đích. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay; kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay nhằm đôn đốc khách hàng thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (nếu có) trên mẫu số 06/TDMNTH.

17. Xử lý nợ

17.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng: Trường hợp khách hàng chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì trước 05 ngày

đến hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 07/TDMNTH) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ trả nợ tiếp theo. Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hay nhiều lần nhưng không được vượt quá hạn trả nợ cuối cùng.

17.2. Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, khách hàng chưa có khả năng trả được nợ và có nhu cầu xin gia hạn nợ thì được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định của NHCSXH. Trước 05 ngày đến hạn, khách hàng phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 08/TDMNTH) gửi NHCSXH nơi cho vay.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với khoản cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với khoản cho vay trên 12 tháng.

17.3. Chuyển nợ quá hạn

a) Đối với trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm, NHCSXH nơi cho vay đơn đốc thu hồi, nếu khách hàng không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

b) Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

c) Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn.

d) Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho khách hàng (mẫu số 09/TDMNTH) đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

18. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định tại NHCSXH.

19. Xử lý vi phạm

19.1. Khách hàng vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì NHCSXH nơi cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho khách hàng (mẫu số 10/TDMNTH).

19.2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng của khách hàng, NHCSXH nơi cho vay chấm dứt cho vay và thông báo cho khách hàng.

19.3. Trường hợp khách hàng vi phạm theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, NHCSXH nơi cho vay báo cáo và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

19.4. NHCSXH nơi cho vay xử lý tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

a) Khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản;

b) Khách hàng có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng;

c) Khách hàng cố tình trốn tránh, chây ì trả nợ theo thỏa thuận;

d) Khách hàng có hành vi lừa đảo, gian lận;

đ) Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

20. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Việc hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

21. Chế độ báo cáo thống kê

Việc báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

22. Tổ chức thực hiện

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm:

22.1. Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp, về việc triển khai thực hiện Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản có liên quan;

22.2. Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị, các tổ chức cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc việc cho vay đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện và mục đích vay vốn theo hướng dẫn tại văn bản này;

22.3. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

23. Hiệu lực thi hành

Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg và các quy định tại NHCSXH.

Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ; } (để báo cáo)
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Thành viên HĐQT;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phó TGĐ, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Thuận

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

Mẫu số 03/TDMNTH
Lập 02 liên: 01 liên lưu ngân hàng, 01 liên giao khách hàng
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:

Tên cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập:.....

Tên khách hàng:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện (nếu có):.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm có:

STT	Tên giấy tờ ¹	Tình trạng
1	Phương án vay vốn	Bản gốc
2	Quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản gốc
3	Quyết định cho phép hoạt động giáo dục	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản gốc
4	Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản gốc

¹ Thông báo được lập trực tiếp khi nhận được hồ sơ của khách hàng. Cán bộ được phân công kiểm tra tình trạng hồ sơ và phản ánh các hồ sơ thực nhận vào Thông báo, bổ sung, xóa bỏ các nội dung không liên quan trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

5	Giấy ủy quyền (nếu có)	<input type="checkbox"/> <i>Bản chính</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản gốc</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao có chứng thực</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao đã đối chiếu bản gốc</i>
6	Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (còn hiệu lực)	<input type="checkbox"/> <i>Bản chính</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản gốc</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao có chứng thực</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao đã đối chiếu bản gốc</i>
7	Điều lệ/Quy chế tổ chức hoạt động của khách hàng vay vốn và đối tượng vay vốn (nếu có).	<input type="checkbox"/> <i>Bản chính</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản gốc</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao có chứng thực</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao đã đối chiếu bản gốc</i>
8	Các giấy tờ khác	<input type="checkbox"/> <i>Bản chính</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản gốc</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao có chứng thực</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao đã đối chiếu bản gốc</i>

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp
đến Quý khách hàng chậm nhất ngày/...../..... về địa chỉ của khách hàng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

Mẫu số 04/TDMNTH
Lập 01 liên: lưu ngân hàng
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính trình:

A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VAY VỐN

- Tên cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập:
-
- Tên tổ chức/cá nhân vay vốn:.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp số:.....do UBND.....cấp ngày...../...../.....
- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (Đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non dân lập, tư thục, trường tiểu học tư thục)
số.....docấp ngày...../...../.....
- Số tài khoản thanh toán:tại Ngân hàng:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

(Hồ sơ vay vốn đính kèm)

~~Đề nghị phê duyệt cho vay với các nội dung cụ thể như sau:~~

1. Tổng số tiền cho vay: đồng

(Bằng chữ:..... đồng)

2. Thời hạn cho vay:..... tháng

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:% /năm.

- Lãi suất quá hạn:..... %/năm.

4. Trả gốc:.....tháng/lần;

Trả lãi theo:.....

5. Mục đích sử dụng vốn vay:

.....
.....

B. PHÊ DUYỆT CHO VAY

1. Số tiền đề nghị cho vay:..... đồng
(Bằng chữ:..... đồng)

2. Thời hạn cho vay:..... tháng

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: % /năm.

- Lãi suất quá hạn:..... %/năm.

4. Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi theo:.....

5. Tiền vay sử dụng vào việc:

.....
.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG (TỔ

TRƯỞNG) TÍN DỤNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Kính gửi:.....¹

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng như sau:

1. Tổng số tiền cho vay

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

3. Mục đích sử dụng vốn vay.....

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm

5. Thời hạn cho vay: tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... trân trọng thông báo để Quý khách hàng
đến địa chỉ vào lúc
giờ.....phút, ngày tháng năm..... để ký Hợp đồng tín dụng và
làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện thoại:.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo sau khi được phê duyệt cho vay, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:¹

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm 20.....,
Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách hàng gửi đến.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....thông báo từ chối cho vay đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1.
2.
3.

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹
Số:/20.../HĐTD

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Căn cứ hồ sơ vay vốn của,

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

II. Bên vay²

- Tổ chức/ cá nhân vay vốn:.....

~~Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập:.....~~

- Họ và tên người đại diện :.....

¹ Hợp đồng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang và Tổ trưởng hoặc Trưởng Phòng KHNVTĐ ký tất từng trang. Mẫu hợp đồng dùng chung, NHCSXH nơi cho vay bỏ các nội dung không liên quan khi thỏa thuận với Bên vay.

² Tùy vào từng đối tượng cụ thể, NHCSXH nơi cho vay xóa các nội dung không cần thiết, chỉ để lại các nội dung phù hợp với khách hàng.

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

- Giấy ủy quyền số (nếu có)..... ngày/...../..... của.....

- Điện thoại:.....

- Địa chỉ thường trú:.....

- Nơi ở hiện tại:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Mã số thuế:.....

Quyết định cho phép thành lập số:..... do.....cấp ngày.....

Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có) số.....

do.....cấp ngày.....

- Tài khoản thanh toán số:.....tại

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay theo chính sách tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Bên vay được vay vốn để thực hiện dự án vay vốn để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch và khôi phục giảng dạy, đào tạo chuyển đổi số, áp dụng khoa học công nghệ trong ngành giáo dục để phục hồi và phát triển hoạt động, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Điều 2. Nội dung cho vay

1. Số tiền cho vay.....

Bằng số đồng.

(*Bằng chữ.....*).

2. Mục đích sử dụng vốn vay:.....

3. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày bên vay nhận khoản giải ngân đầu tiên.

4. Lãi suất:

~~Lãi suất cho vay:%/năm~~

- Lãi suất nợ quá hạn: lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn bằng.....

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế;

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc của khoản vay lần này:

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi. Bên vay có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

Điều 3. Giải ngân tiền vay

1. Bên cho vay phát tiền vay một hay nhiều lần cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định.

2. Mỗi lần nhận tiền vay, Bên vay phải mang Hợp đồng tín dụng này để các bên cùng ký xác nhận vào phụ lục hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Nếu Bên vay gặp khó khăn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

2. Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng của từng khoản vay, Bên vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ để Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với khoản cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với khoản cho vay trên 12 tháng.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng/Phụ lục Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Việc kiểm tra sau giải ngân của Bên cho vay

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân, Bên vay cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh sử dụng vốn vay theo tiến độ thực hiện dự án. Khi Bên vay cung cấp, Bên cho vay kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay.

2. Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân, trường hợp Bên vay chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh thì lập Biên bản kiểm tra, cụ thể như sau:

- Trường hợp Bên vay cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh sử dụng vốn vay hoặc tài liệu chứng minh nguyên nhân khách quan chưa cung cấp đầy đủ chứng từ, Bên cho vay tiếp tục thực hiện cho vay.

- Trường hợp Bên vay không cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc vi phạm các nội dung khác trong Hợp đồng tín dụng, Bên cho vay kết luận biện pháp xử lý.

Điều 6. Bảo đảm tiền vay³

1. Tài sản bảo đảm làdo.....cấp.
Địa chỉ.....
Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là.....đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại Khoản a Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận và được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

3. Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc vay vốn và sử dụng vốn của Bên vay.

³ Áp dụng đối với mức vay vốn từ trên 100 triệu đồng trở lên.

4. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này.

5. Trường hợp Bên vay vi phạm quy định tại ĐiềuQuyết định số của Thủ tướng Chính phủ và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, Bên cho vay báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Được chủ động trích tài khoản của Bên vay mở tại Bên cho vay để thu nợ gốc đến hạn, thu lãi .

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận, cam kết và được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Hợp đồng tín dụng này. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân khoản vay, Bên vay có nghĩa vụ cung cấp các chứng từ chứng minh sử dụng vốn vay.

3. Trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn cho Bên cho vay. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay để trả nợ Bên cho vay.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên cho vay về tính chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Bên cho vay.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong việc vay vốn, sử dụng vốn.

6. Thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi liên quan đến thông tin của Bên vay được nêu trong Hợp đồng tín dụng này.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì Bên cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho Bên vay.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng của Bên vay, Bên cho vay chấm dứt cho vay và thông báo cho Bên vay.

3. Trường hợp Bên vay vi phạm theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, Bên cho vay báo cáo và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm hoặc khởi kiện

a) Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản.

b) Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ Bên cho vay.

c) Bên vay cố tình trốn tránh, chây ì trả nợ theo thỏa thuận.

d) Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận.

đ) Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp xảy ra giữa hai bên được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa ánđể xem xét giải quyết.

Điều 11. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên bằng văn bản.

2. Những nội dung không được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng này được thực hiện theo quy định của NHCSXH, quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng này bao gồm.....trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN THEO DÕI CHO VAY – THU NỢ - DƯ NỢ
(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HĐTD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ

Đơn vị: đồng

Ngày tháng Năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/ năm	Ngày đến hạn trả nợ	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi chuyển nợ quá hạn, thu nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/thu nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

NHCSXH TỈNH/TP.....
 PGD HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN
 KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY**

Căn cứ hồ sơ vay vốn và Hợp đồng tín dụng số ngày
 .../.../....., giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và

Hôm nay, vào lúc giờ phút, ngày tháng ... năm 20..., tại
, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần

1. Bên kiểm tra¹:

- Ông/bà:.....Chức vụ:

- Ông/bà:.....Chức vụ:

2. Khách hàng:

- Địa chỉ:.....

- Đại diện:.....Chức vụ:.....

II. Nội dung kiểm tra

1. Đến ngày .../.../....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho khách hàng vay vốn thực hiện Phương án vay vốn theo Quyết định số....., để phục hồi và phát triển hoạt động, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em với tổng số tiền đồng.

2. Qua kiểm tra thực tế hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn của khách hàng, kết quả kiểm tra việc sử dụng vốn vay của khách hàng như sau:

.....

3. Về tài sản bảo đảm (nếu có).....

STT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng (nếu có)	Hiện trạng tài sản bảo đảm	Ghi chú

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm (nếu có).....

¹ Ghi rõ tên đơn vị/đoàn kiểm tra

- Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Kết luận sau kiểm tra

1. Kết luận của bên kiểm tra²:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Ý kiến của khách hàng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện./

KHÁCH HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÁN BỘ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

² Khi phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích và vi phạm các nội dung trong Hợp đồng tín dụng đã ký, cán bộ kiểm tra phản ánh đầy đủ những vi phạm nêu trên và thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vi phạm của khách hàng và đề xuất hình thức xử lý.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Tên cơ sở:.....

Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....

Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:.....

Ông (bà)..... Chức vụ.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

Đã vay tại Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)

.....
Số tiền: (Bằng chữ:.....)

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....

Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày...../...../..... là.....đồng.

Số tiền nợ gốc chưa trả được là.....đồng.

Vi lý do:.....

.....
Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....cho phép cơ sở được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... tháng.....năm.....

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là

- Thời gian điều chỉnh đến ngày...../...../.....

Ngày.....tháng... năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Tên cơ sở, trường:.....

Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....

Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn.....

Ông (bà)..... Chức vụ.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

Theo Hợp đồng tín dụng số..... ngày.....tháng.....năm....., chúng tôi
đã được Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)
.....cho vay số tiền làđồng.

- Hạn phải trả vào ngày tháng năm.....

- Số tiền nợ gốc đã trảđồng.

- Số tiền nợ gốc chưa trả.....đồng.

Lý do chậm trả:.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)
.....cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày ... tháng ... năm

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu (nếu có))

~~PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH~~

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là

- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày .../...../.....

Ngày.....tháng....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày ... tháng năm
giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội

..... thông báo:

- Số nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn:đồng
(*Bằng chữ:*))
- Ngày chuyển nợ quá hạn:/...../.....
- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm.
- Lý do chuyển nợ quá hạn:

Yêu cầu khách hàng trả số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng
giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
Trường hợp trả nợ bằng chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*):
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....

~~Nội dung: trả nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng~~
số ngày.....tháng năm 20....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
yêu cầu khách hàng thực hiện trả nợ./.

GIÁM ĐỐC
(*Ký tên, đóng dấu*)

¹ Thông báo được đánh máy, in

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY VÀ
THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN**

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày tháng năm
giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng.....
do đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng số
ngày...../...../....., cụ thể²:

-
-

Do đó, yêu cầu khách hàng phải thực hiện trả nợ chậm nhất ngày
tháng.....năm.....³ với số tiền đồng (Bằng chữ:.....).

Đến hết ngày..... tháng.....năm....., khách hàng không thực hiện nghĩa
vụ trả nợ, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... sẽ chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên và áp dụng lãi suất
nợ quá hạn%/năm.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội

~~thông báo để khách hàng được biết./~~

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên khách hàng vay vốn

² Phần cụ thể, Căn cứ vào việc kiểm tra, cán bộ NHCSXH nơi cho vay ghi rõ nội dung vi phạm và số tiền vi phạm của khách hàng.

³ 30 ngày kể từ ngày lập thông báo hoặc thời gian theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.